

KẾ HOẠCH

Triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang

Căn cứ Nghị định số 224/2026/NĐ-CP ngày 24/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 04/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia, Từ điển dữ liệu dùng chung (Phiên bản 1.0);

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

Căn cứ Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã (sau đây gọi tắt là Mô hình) trên địa bàn tỉnh An Giang, với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai đồng bộ Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh, bảo đảm phù hợp với Khung kiến trúc số tỉnh An Giang và định hướng phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền cấp xã thông qua ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số và các nền tảng số dùng chung; đổi mới phương thức quản lý, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

c) Thúc đẩy khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu, nền tảng số, hệ thống thông tin và hạ tầng số dùng chung của Trung ương và tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ số.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Mô hình dựa trên cơ sở Kiến trúc của Mô hình chuyển đổi số cấp xã và yêu cầu triển khai tại Mục 4, Phụ lục I của Khung kiến trúc tổng thể số quốc gia (phiên bản 1.0), phù hợp với Khung kiến trúc số của tỉnh; ưu tiên

sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và hạ tầng dùng chung của Trung ương và tỉnh, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí.

b) Dữ liệu phải được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; bảo đảm kết nối, chia sẻ và khai thác hiệu quả dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển các ứng dụng số.

c) Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, bảo đảm sự phối hợp đồng bộ, thống nhất từ Sở, ban, ngành tỉnh đến Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong quá trình triển khai.

d) Tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin ngay từ khâu thiết kế, xây dựng, vận hành và khai thác các hệ thống thông tin, bao gồm cả hệ thống do Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu triển khai.

đ) Việc triển khai phải bảo đảm tính thực tiễn, hiệu quả và linh hoạt theo điều kiện của từng đơn vị; ưu tiên các nhiệm vụ thiết thực, có khả năng phát huy hiệu quả ngay, phù hợp với nguồn lực và năng lực vận hành của cấp xã.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tổ chức rà soát, xác định các thành phần, nhiệm vụ triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã

a) Căn cứ nội dung hướng dẫn triển khai Mô hình tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG và điều kiện thực tế của tỉnh để xác định các thành phần, nhiệm vụ triển khai theo phân cấp giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã.

b) Tổng hợp nhu cầu, đề xuất của Ủy ban nhân dân xã, phường kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, cập nhật danh mục các thành phần, nhiệm vụ triển khai theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

c) Đánh giá hiện trạng hạ tầng, dữ liệu, nhân lực; đăng ký nhu cầu triển khai và tổ chức thực hiện các thành phần, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định.

d) Tổ chức triển khai thí điểm Mô hình chuyển đổi số cấp xã ở một số xã, phường, đặc khu; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và hoàn thiện Mô hình.

2. Phát triển và khai thác nền tảng số và dữ liệu số dùng chung

a) Triển khai, hướng dẫn khai thác các nền tảng số dùng chung; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

b) Thực hiện chuẩn hóa, cập nhật và chia sẻ dữ liệu trên các hệ thống thông tin chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

c) Thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định; bảo đảm lưu vết, kiểm soát truy cập, an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

d) Việc tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ và khai thác dữ liệu tại cấp xã phải thực hiện theo danh mục, biểu mẫu, quy trình, chuẩn dữ liệu, cơ chế phân quyền và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

3. Phát triển và khai thác hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu

a) Khai thác, sử dụng các thành phần hạ tầng số, an ninh mạng dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu không đầu tư riêng lẻ các thành phần đã được cung cấp tập trung.

b) Các thành phần hạ tầng số, an ninh mạng thiết yếu triển khai tại cấp xã phải phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu sử dụng, khả năng bảo đảm nguồn lực và quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ và triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp.

4. Phát triển nguồn lực, nhân lực phục vụ triển khai Mô hình

a) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực triển khai Mô hình tại Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo hướng dẫn tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG.

b) Phân công, bố trí đầu mối thực hiện, cử cán bộ tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan cấp trên.

(Chi tiết Phân công triển khai nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Phụ lục I kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp và phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch, các cơ quan, đơn vị và địa phương chủ động cân đối, lồng ghép trong kinh phí chi thường xuyên, các Chương trình, Dự án và các nguồn hợp pháp khác để thực hiện. Các nhiệm vụ, dự án đề ra phải đảm bảo không trùng lặp với các chương trình, kế hoạch, dự án đã được phê duyệt; đồng thời, chịu trách nhiệm thanh quyết toán kinh phí đảm bảo theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu hướng dẫn, theo dõi việc triển khai thực hiện Mô hình; đồng thời, thường xuyên rà soát bổ sung, điều chỉnh danh mục triển khai các thành phần, nhiệm vụ trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Là đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá và hướng dẫn phổ biến, nhân rộng các mô hình, giải pháp điển hình hiệu quả trên phạm vi toàn tỉnh.

c) Chủ trì đơn đốc, kiểm tra, tổng hợp tình hình, kết quả triển khai thực hiện Mô hình; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Công an tỉnh An Giang

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Hướng dẫn việc thực hiện phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ và triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp. Yêu cầu này áp dụng đối với tất cả hệ thống thông tin trong toàn bộ hệ thống chính trị và phải được bảo đảm xuyên suốt trong toàn bộ vòng đời từ khâu đề xuất, thiết kế, triển khai đến vận hành, khai thác, nâng cấp và chấm dứt sử dụng.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trong khả năng cân đối ngân sách nhà nước, bảo đảm đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo đúng quy định hiện hành.

4. Sở, ban, ngành tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức vận hành tập trung các nền tảng, hệ thống thông tin, dịch vụ dùng chung thuộc phạm vi quản lý; thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, quản lý tài khoản, phân quyền, giám sát vận hành, tổng hợp kết quả triển khai của cấp xã; hướng dẫn, kiểm tra và hỗ trợ Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong quá trình khai thác, sử dụng.

b) Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo quy định; bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, cập nhật, đầy đủ, chính xác và sẵn sàng phục vụ kết nối, chia sẻ, khai thác dùng chung.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan thường xuyên rà soát điều chỉnh, bổ sung danh mục triển khai các thành phần, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền; đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị và tuân thủ theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

a) Căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, rà soát điều kiện thực tế và nhu cầu triển khai tại địa phương, đề xuất danh mục các thành phần, nhiệm vụ cần triển khai, gửi cơ quan chủ trì xem xét, tổng hợp.

b) Tổ chức triển khai, vận hành các thành phần của Mô hình theo phân công; khai thác, sử dụng các nền tảng số, hệ thống thông tin và dữ liệu dùng chung do Trung ương và của cơ quan cấp tỉnh cung cấp. Không tổ chức đầu tư, triển khai

các hệ thống trùng lặp chức năng cốt lõi; trường hợp cần thiết triển khai giải pháp bổ sung, thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

c) Thực hiện cập nhật, quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp; bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

d) Phân công, bố trí đầu mối thực hiện, phối hợp với cơ quan cấp trên và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai.

6. Doanh nghiệp công nghệ số

a) Tham gia triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã thông qua việc cung cấp nền tảng số, giải pháp công nghệ và dịch vụ kỹ thuật phù hợp với kiến trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.

b) Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc triển khai, tích hợp và đưa vào vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại cấp xã;

c) Hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sử dụng các nền tảng số; cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, bảo trì và bảo đảm vận hành ổn định các giải pháp công nghệ do doanh nghiệp cung cấp.

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan trong quá trình triển khai Mô hình.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh An Giang, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và địa phương kịp thời báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. *Tql*

Nơi nhận: *...*

- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Phòng KGVX;
- Lưu VT, ntgiang.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong
Nguyễn Thanh Phong

Phụ lục I
PHÂN CÔNG TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM
(Kèm theo Kế hoạch số 504 /KH-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức rà soát, xác định các thành phần, nhiệm vụ triển khai Mô hình chuyển đổi số cấp xã			
1.1	Căn cứ hướng dẫn triển khai Mô hình tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và điều kiện thực tế của tỉnh để ban hành văn bản hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị và địa phương trong đó xác định các thành phần, nhiệm vụ triển khai theo phân cấp giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.	Quý III/2026
1.2	Tổng hợp nhu cầu, đề xuất của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, cập nhật danh mục các thành phần, nhiệm vụ triển khai theo lộ trình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.	Quý III/2026
1.3	Đánh giá hiện trạng hạ tầng, dữ liệu, nhân lực; đăng ký nhu cầu triển khai và tổ chức thực hiện các thành phần, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý III/2026
1.4	Tổ chức triển khai thí điểm Mô hình chuyển đổi số cấp xã ở một số xã, phường, đặc khu; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm và hoàn thiện Mô hình	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.	Quý IV/2026

2	Phát triển và khai thác nền tảng số và dữ liệu số dùng chung			
2.1	Triển khai, hướng dẫn khai thác các nền tảng số dùng chung; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của Sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Sở, ban, ngành tỉnh	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
2.2	Thực hiện chuẩn hóa, cập nhật và chia sẻ dữ liệu trên các hệ thống thông tin chuyên ngành; bảo đảm dữ liệu được quản trị theo nguyên tắc “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”	Sở, ban, ngành tỉnh	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
2.3	Thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu theo quy định; bảo đảm lưu vết, kiểm soát truy cập, an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân	Sở, ban, ngành tỉnh	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Công an tỉnh An Giang. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	Thường xuyên
2.4	Tạo lập, cập nhật, chuẩn hóa, lưu trữ, chia sẻ và khai thác dữ liệu tại cấp xã theo danh mục, biểu mẫu, quy trình, chuẩn dữ liệu, cơ chế phân quyền và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	- Sở Khoa học và Công nghệ. - Công an tỉnh An Giang.	Thường xuyên
3	Phát triển và khai thác hạ tầng số, bảo đảm an toàn thông tin mạng và bảo vệ dữ liệu			
3.1	Khai thác, sử dụng các thành phần hạ tầng số, an ninh mạng dùng chung do Trung ương và tỉnh cung cấp theo danh mục nền tảng số, hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu dùng chung trên địa bàn tỉnh tại Phụ lục II kèm theo; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu không	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang.	Thường xuyên

	đầu tư riêng lẻ các thành phần đã được cung cấp tập trung.			
3.2	Các thành phần hạ tầng số, an ninh mạng thiết yếu triển khai tại cấp xã phải phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu sử dụng, khả năng bảo đảm nguồn lực và quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản công.	Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang.	Thường xuyên
3.3	Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân; thực hiện phân loại hệ thống thông tin theo cấp độ và triển khai các biện pháp bảo vệ phù hợp.	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.	Công an tỉnh An Giang	Thường xuyên
4	Phát triển nguồn lực, nhân lực phục vụ triển khai Mô hình			
4.1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nhân lực triển khai Mô hình tại xã, phường, đặc khu theo hướng dẫn tại Công văn số 2763/BKHCN-CĐSQG	Sở Khoa học và Công nghệ	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.	Năm 2026
4.2	Phân công, bố trí đầu mối thực hiện, cử cán bộ tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan cấp trên.	- Sở, ban, ngành tỉnh. - Công an tỉnh An Giang. - Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu		Năm 2026

Phụ lục II
DANH MỤC NỀN TẢNG SỐ, HỆ THỐNG THÔNG TIN VÀ CƠ SỞ DỮ LIỆU
DÙNG CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

(Kèm theo Kế hoạch số 504 /KH-UBND ngày 28 tháng 08 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

1) Nền tảng số dùng chung quốc gia

Thực hiện khai thác, sử dụng 79 nền tảng số dùng chung quốc gia theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành tiêu chí, danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

2) Các nền tảng số, hệ thống thông tin dùng chung trên địa bàn tỉnh An Giang

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
1	Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh An Giang	1. Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. 2. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán, ký số và trả kết quả điện tử. 3. Tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, nền tảng và cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành thông qua LGSP. 4. Theo dõi, giám sát, thống kê và báo cáo tình hình, tiến độ giải quyết hồ sơ phục vụ chỉ đạo, điều hành. 5. Quản trị hệ thống và quy trình nghiệp vụ, bảo đảm an toàn thông tin và quản lý người dùng.	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	1. Quản lý văn bản điện tử: Tiếp nhận, đăng ký, số hóa, phát hành, lưu trữ, tìm kiếm và quản lý vòng đời văn bản đi, đến, văn bản nội bộ.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		2. Điều hành, xử lý công việc: Trình ký, phê duyệt, giao việc, theo dõi tiến độ xử lý, đôn đốc và giám sát việc thực hiện nhiệm vụ. 3. Ký số và trao đổi văn bản điện tử: Tích hợp chữ ký số, gửi nhận văn bản điện tử liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia và các hệ thống quản lý văn bản của cơ quan, đơn vị. 4. Quản lý lịch và hỗ trợ điều hành: Quản lý lịch công tác, lịch họp, thông báo, nhắc việc và hỗ trợ điều hành trên môi trường số. 5. Báo cáo, thống kê và quản trị hệ thống: Theo dõi tình hình xử lý văn bản, nhiệm vụ; cung cấp báo cáo, dashboard phục vụ chỉ đạo, điều hành; quản lý người dùng, phân quyền và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
3	Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung (LGSP)	1. Tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh với các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia và bộ, ngành Trung ương. 2. Điều phối, chuyển đổi và đồng bộ dữ liệu, bảo đảm khả năng liên thông giữa các hệ thống theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. 3. Quản lý danh mục dịch vụ chia sẻ dữ liệu (API/Web Services), cung cấp và khai thác các dịch vụ dùng chung phục vụ chuyển đổi số. 4. Giám sát, ghi nhật ký, thống kê và cảnh báo hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu; theo dõi chất lượng và hiệu năng các dịch vụ tích hợp. 5. Quản lý xác thực, phân quyền truy cập và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình kết nối, trao đổi dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
4	Nền tảng xác thực tập trung (SSO)	1. Xác thực tập trung người dùng, cho phép đăng nhập một lần để truy cập nhiều hệ thống thông tin, nền tảng số của tỉnh theo phân quyền. 2. Quản lý định danh, tài khoản và phân quyền truy cập, đồng bộ thông tin người dùng giữa các hệ thống. 3. Hỗ trợ các phương thức xác thực an toàn, bao gồm xác thực đa yếu tố (MFA), tích hợp chữ ký số, VNeID và các hệ thống định danh điện tử theo quy định. 4. Cung cấp dịch vụ xác thực và ủy quyền (Authentication/Authorization) cho các hệ thống thông tin thông qua các giao thức, tiêu chuẩn mở. 5. Quản lý nhật ký đăng nhập, giám sát, cảnh báo và bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình xác thực và truy cập hệ thống.	Sở Khoa học và Công nghệ
5	Kho dữ liệu dùng chung	1. Thu thập, tích hợp, lưu trữ và quản lý tập trung dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh, bộ, ngành và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác. 2. Chuẩn hóa, làm sạch, đồng bộ và quản lý chất lượng dữ liệu, hình thành nguồn dữ liệu dùng chung phục vụ toàn tỉnh. 3. Cung cấp, chia sẻ và khai thác dữ liệu cho các cơ quan, đơn vị thông qua LGSP và các dịch vụ dữ liệu theo phân quyền. 4. Hỗ trợ phân tích, tổng hợp, trực quan hóa dữ liệu, cung cấp dữ liệu phục vụ IOC, Dashboard, báo cáo và công tác chỉ đạo, điều hành. 5. Quản lý danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu (metadata), phân quyền truy cập, nhật ký khai thác và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
6	Cổng dữ liệu tỉnh An Giang	1. Công bố và cung cấp dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định, phục vụ người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước. 2. Tra cứu, tìm kiếm, khai thác và tải về dữ liệu, hỗ trợ nhiều định dạng và cung cấp dịch vụ API để khai thác dữ liệu. 3. Quản lý danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu (metadata), cập nhật, công bố và quản lý vòng đời các bộ dữ liệu. 4. Kết nối với Kho dữ liệu dùng chung và LGSP, đồng bộ dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh. 5. Quản lý người dùng, phân quyền khai thác, thống kê, giám sát việc sử dụng dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ
7	Ứng dụng di động SmartAnGiang	1. Cung cấp kênh tương tác số giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp, tích hợp các tiện ích, dịch vụ số của tỉnh trên một ứng dụng duy nhất. 2. Tiếp nhận và theo dõi phản ánh, kiến nghị hiện trường, hỗ trợ người dân gửi phản ánh kèm hình ảnh, vị trí; theo dõi quá trình xử lý và kết quả giải quyết. 3. Cung cấp thông tin, tra cứu và sử dụng dịch vụ công, hỗ trợ tra cứu thủ tục hành chính, hồ sơ, thông tin quy hoạch, thông báo và các dịch vụ công ích. 4. Tích hợp với các nền tảng và hệ thống dùng chung, như VNeID, Cổng Dịch vụ công, Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, LGSP và các cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác thông tin theo phân quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		5. Gửi thông báo, cảnh báo và hỗ trợ tương tác, cung cấp thông báo chủ động, khảo sát, lấy ý kiến người dân; quản lý tài khoản và bảo đảm an toàn thông tin.	
8	Nền tảng giám sát, điều hành thông minh (IOC)	1. Tích hợp, tổng hợp và trực quan hóa dữ liệu từ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, cảm biến IoT và các nguồn dữ liệu khác phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. 2. Giám sát, theo dõi các chỉ số, chỉ tiêu và hoạt động của tỉnh theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực; cung cấp Dashboard và báo cáo tổng hợp. 3. Phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để cảnh báo sớm, dự báo xu hướng, hỗ trợ ra quyết định và điều hành. 4. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, chất lượng cung cấp dịch vụ công, phản ánh hiện trường và các lĩnh vực đô thị thông minh theo nhu cầu quản lý của tỉnh. 5. Quản lý, chia sẻ dữ liệu và tích hợp với Kho dữ liệu dùng chung, LGSP, các hệ thống thông tin chuyên ngành, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ
9	Cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang	1. Cung cấp thông tin chính thức của cơ quan nhà nước, bao gồm tin tức, chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật, thông báo, công khai thông tin theo quy định. 2. Cung cấp dịch vụ tra cứu và tương tác trực tuyến, hỗ trợ tra cứu thủ tục hành chính, văn bản, lịch công tác, hỏi đáp và tiếp nhận thông tin từ người dân, doanh nghiệp.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		3. Tích hợp, liên kết với các hệ thống thông tin, nền tảng số và dịch vụ công, bảo đảm cung cấp dịch vụ thống nhất trên môi trường mạng. 4. Quản lý nội dung, chuyên mục, đa phương tiện và phân quyền biên tập, hỗ trợ xuất bản thông tin trên nhiều kênh. 5. Thống kê, phân tích lượt truy cập, quản trị hệ thống và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
10	Hệ thống thư điện tử công vụ	1. Cung cấp dịch vụ thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh. 2. Quản lý tài khoản, hộp thư, danh bạ và nhóm thư, hỗ trợ gửi, nhận, lưu trữ, tìm kiếm và quản lý thư điện tử. 3. Hỗ trợ tích hợp với các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung, như Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, SSO, lịch công tác và các ứng dụng phục vụ điều hành. 4. Hỗ trợ truy cập trên nhiều nền tảng, thiết bị, đồng bộ dữ liệu và thông báo thư mới. 5. Quản lý, giám sát hoạt động hệ thống, sao lưu dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bao gồm xác thực, chống thư rác, chống mã độc và bảo vệ dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Hệ thống hội nghị truyền hình	1. Tổ chức hội nghị, họp trực tuyến giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và kết nối với các bộ, ngành Trung ương, bảo đảm thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. 2. Hỗ trợ chia sẻ âm thanh, hình ảnh, màn hình, tài liệu và trình chiếu, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, đào tạo và tập huấn.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		3. Quản lý lịch họp, phòng họp, người tham dự, gửi thông báo, lời mời và hỗ trợ điều phối cuộc họp. 4. Ghi hình, ghi âm, lưu trữ và phát lại nội dung hội nghị theo phân quyền; hỗ trợ thống kê, báo cáo tình hình sử dụng. 5. Tích hợp với Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, lịch công tác, SSO và các nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
12	Mạng truyền số liệu chuyên dùng	1. Cung cấp hạ tầng truyền dẫn an toàn, bảo mật phục vụ kết nối giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh và kết nối với Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước. 2. Đảm bảo kết nối ổn định, băng thông và chất lượng dịch vụ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và dịch vụ công. 3. Hỗ trợ truyền tải dữ liệu, thoại, hội nghị truyền hình và các dịch vụ số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc trên môi trường số. 4. Quản lý, giám sát, cảnh báo và xử lý sự cố mạng, bảo đảm tính sẵn sàng, liên tục và khả năng dự phòng của hạ tầng truyền dẫn. 5. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, kiểm soát truy cập và hỗ trợ kết nối an toàn đến các trung tâm dữ liệu, nền tảng tích hợp và hệ thống thông tin dùng chung.	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Trung tâm dữ liệu	1. Cung cấp hạ tầng tính toán, lưu trữ và mạng phục vụ triển khai, vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và dịch vụ số của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		2. Quản lý, vận hành hạ tầng máy chủ, thiết bị lưu trữ, thiết bị mạng, nền tảng ảo hóa, điện toán đám mây (nếu có), bảo đảm tính sẵn sàng, khả năng mở rộng và hiệu năng của hệ thống. 3. Cung cấp dịch vụ lưu trữ, sao lưu, phục hồi dữ liệu và trung tâm dữ liệu dự phòng (DR), bảo đảm hoạt động liên tục của các hệ thống thông tin. 4. Giám sát, quản trị hạ tầng kỹ thuật 24/7, theo dõi hiệu năng, cảnh báo, xử lý sự cố và quản lý tài nguyên dùng chung. 5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và an toàn vật lý, bao gồm kiểm soát truy cập, giám sát môi trường, nguồn điện, phòng cháy chữa cháy và tích hợp với Trung tâm điều hành an toàn thông tin (SOC).	
14	Hệ thống thông tin báo cáo	1. Thu thập, tổng hợp và quản lý dữ liệu báo cáo từ các sở, ban, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu theo quy định. 2. Chuẩn hóa, tổng hợp và tự động hóa quy trình báo cáo, giảm việc nhập liệu thủ công, bảo đảm dữ liệu thống nhất, chính xác và kịp thời. 3. Cung cấp Dashboard, biểu đồ và báo cáo trực quan, hỗ trợ theo dõi chỉ tiêu, chỉ số, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và ra quyết định. 4. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Kho dữ liệu dùng chung, LGSP và các hệ thống thông tin chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		5. Quản lý danh mục báo cáo, biểu mẫu, người dùng, phân quyền, thống kê và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
15	Hệ thống giám sát điều hành an toàn thông tin mạng (SOC)	1. Giám sát tập trung tình trạng an toàn thông tin đối với hạ tầng mạng, máy chủ, thiết bị, hệ thống thông tin và nền tảng số của tỉnh. 2. Thu thập, phân tích và tương quan nhật ký (log) từ các hệ thống; phát hiện, cảnh báo sớm các nguy cơ, sự cố và hành vi tấn công mạng. 3. Điều phối, hỗ trợ ứng cứu và xử lý sự cố an toàn thông tin, theo dõi quá trình khắc phục, phục hồi hệ thống và quản lý sự cố. 4. Đánh giá, giám sát lỗ hổng, điểm yếu bảo mật và mức độ tuân thủ các quy định về an toàn thông tin; cung cấp báo cáo, thống kê và Dashboard phục vụ quản lý. 5. Kết nối, chia sẻ thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC), các hệ thống bảo mật và nền tảng số dùng chung, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.	Công an tỉnh An Giang
16	Nền tảng AI dùng chung tỉnh	1. Xây dựng nền tảng AI tự chủ của tỉnh: Đầu tư mô hình AI tạo sinh nền siêu lớn và hạ tầng tính toán hiệu năng cao triển khai tại Trung tâm dữ liệu tỉnh An Giang, hình thành nền tảng AI tự chủ phục vụ dùng chung. Nền tảng AI có khả năng xử lý tiếng Việt, hỗ trợ suy luận, tạo sinh nội dung và cung cấp năng lực AI cho toàn bộ các Trụ lý AI và các hệ thống thông tin của tỉnh. 2. Xây dựng nền tảng tri thức dùng chung phục vụ AI: Xây dựng nền tảng tri thức tập trung thông qua việc tích hợp, sàng lọc, tiền xử lý và đồng bộ dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng dữ liệu xã, phường và các nguồn dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		khác. Nền tảng tri thức cung cấp nguồn tri thức thống nhất cho các Trợ lý AI, đồng thời tích hợp giao thức MCP để kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu một cách an toàn, hiệu quả. 3. Xây dựng nền tảng quản trị và phát triển hệ sinh thái Trợ lý AI: Xây dựng nền tảng quản trị AI cho phép quản lý tập trung mô hình AI, người dùng, phân quyền, hạn mức sử dụng, giám sát hệ thống và bảo đảm an toàn thông tin. Đồng thời cung cấp công cụ để các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng, quản lý và chia sẻ các Trợ lý AI cá nhân hóa, Trợ lý AI dùng chung và Trợ lý AI chuyên ngành, hình thành hệ sinh thái Trợ lý AI thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh. 4. Phát triển các Trợ lý AI phục vụ điều hành, tác nghiệp và cung cấp dịch vụ công: Triển khai các Trợ lý AI hỗ trợ đọc, tóm tắt, dịch thuật, hỏi đáp, phân tích tài liệu, soạn thảo văn bản, phân tích dữ liệu, hỗ trợ người dân tra cứu dịch vụ công, truy vấn dữ liệu IOC và các Trợ lý AI chuyên ngành theo nhu cầu của các sở, ngành và địa phương, góp phần nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành và cải cách hành chính. 5. Xây dựng nền tảng phân tích dữ liệu, dự báo và hỗ trợ ra quyết định: Ứng dụng các mô hình học máy (Machine Learning) và học sâu (Deep Learning) để phân tích dữ liệu chuyên ngành, dự báo xu hướng và hỗ trợ ra quyết định. Kết quả phân tích được cung cấp cho các Trợ lý AI thông qua giao thức MCP, mở rộng năng lực của Trợ lý AI từ tra cứu thông tin sang phân tích, dự báo và hỗ trợ tham mưu dựa trên dữ liệu. 6. Hình thành nền tảng AI dùng chung phục vụ chuyển đổi số tỉnh: Cho phép các Trợ lý AI và dịch vụ AI được chia sẻ, tích hợp và nhúng vào các cổng thông tin điện tử, IOC, hệ thống thông tin, phần mềm chuyên ngành và các nền tảng số của tỉnh; tích hợp xác thực tập trung (SSO), bảo đảm khai thác thống nhất, đồng bộ và	

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		khả năng mở rộng trong quá trình phát triển Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số.	
17	Nền tảng GIS/Bản đồ số dùng chung của tỉnh	1. Nâng cấp, mở rộng và khai thác Nền tảng ArcGIS hiện có làm nền tảng GIS/Bản đồ số dùng chung của tỉnh, phục vụ quản lý, chia sẻ và khai thác dữ liệu không gian giữa các cơ quan, đơn vị. 2. Tích hợp, chuẩn hóa và quản lý tập trung dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính và dữ liệu chuyên ngành của các sở, ban, ngành, địa phương trên nền bản đồ số thống nhất; hình thành kho dữ liệu không gian dùng chung của tỉnh. 3. Kết nối, tích hợp dữ liệu từ Kho dữ liệu dùng chung, LGSP, nền tảng IoT, mô hình BIM và các hệ thống thông tin chuyên ngành, phục vụ hiển thị, phân tích, giám sát và chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực. 4. Cung cấp dịch vụ bản đồ số, dữ liệu không gian và API GIS phục vụ các hệ thống thông tin, IOC, ứng dụng số và các nền tảng dùng chung của tỉnh. 5. Hỗ trợ trực quan hóa, phân tích không gian, mô phỏng và từng bước hình thành Bản sao số (Digital Twin) của tỉnh, phục vụ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành và chỉ đạo, điều hành. 6. Quản lý, chia sẻ dữ liệu không gian, phân quyền khai thác và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Nền tảng IoT (IoT Platform)	1. Kết nối, quản lý và tích hợp các thiết bị, cảm biến IoT trên địa bàn tỉnh theo chuẩn thống nhất.	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên nền tảng, hệ thống thông tin	Tính năng, chức năng cốt lõi	Cơ quan chủ quản
		2. Thu thập, truyền nhận, lưu trữ và xử lý dữ liệu thời gian thực từ các thiết bị IoT phục vụ các lĩnh vực như giao thông, môi trường, chiếu sáng, nông nghiệp, y tế, giáo dục và đô thị thông minh. 3. Cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu, giám sát, cảnh báo và điều khiển thiết bị cho các hệ thống thông tin, nền tảng số và IOC. 4. Kết nối với Kho dữ liệu dùng chung, LGSP và các hệ thống chuyên ngành; quản lý thiết bị, giám sát hoạt động và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.	
19	Trang Công báo điện tử tỉnh An Giang	1. Đăng tải văn bản: Công bố các nghị quyết, quyết định, chỉ thị và văn bản quy phạm pháp luật của địa phương. 2. Lưu trữ pháp lý: Cung cấp bản điện tử định dạng PDF có ký số làm căn cứ chính thức cho việc tra cứu pháp luật. 3. Cập nhật thông tin: Đăng các văn bản đính chính, thông báo hoặc văn bản pháp lý khác theo quy định.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang